

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**LỊCH SỬ BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG SƠN LA  
TẬP MỘT “GIAI ĐOẠN 1959 - 2000”**

- Cơ quan quản lý đề tài: - Sở Khoa học công nghệ Tỉnh Sơn La  
Cơ quan chủ trì đề tài: - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh Sơn La  
Cơ quan phối hợp: - Phòng KHCN Bộ Tư lệnh Biên phòng  
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sơn La

Chủ nhiệm đề tài:

**Cử nhân - Thượng tá - Hà Duy Hom**

**Bí thư Đảng uỷ - Chỉ huy phó chính trị  
Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh Sơn La**

Sơn la, tháng 12.2003

5050

20/12/04

**LỊCH SỬ BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG SƠN LA**  
**(Giai đoạn 1959 - 2000)**

**PHỤ LỤC:**

**Phần thứ nhất: BÁO CÁO TÓM TẮT**

Báo cáo gồm 5 chương, 167 trang với nội dung chủ yếu sau đây:

- Chương I** Biên cương Sơn La- vùng đất, con người và truyền thống lịch sử
- I Sơn La vùng đất Tây Bắc của Tổ quốc
  - II Truyền thống đấu tranh của nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La
  - III Đường Biên giới quốc gia và khu vực biên giới tỉnh Sơn La
    - 1 Sự hình thành đường biên giới Việt Nam - Lào ở địa phận tỉnh Sơn La
    - 2 Đặc điểm, vị trí chiến lược của khu vực biên giới tỉnh Sơn La
- Chương II** Thành lập Công an Nhân dân vũ trang Sơn La. Bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới và các mục tiêu nội địa (1959- 1964).
- I Hoạt động của Công an Nhân dân vũ trang (CANDVT) trên địa bàn Sơn La, dưới sự lãnh đạo của khu CANDVT Tây Bắc (1959- 1962)
  - II Thành lập lực lượng CANDVT Sơn La, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu nội địa và Biên giới quốc gia (1963- 1964)
  - III Vừa chiến đấu vừa chống gián điệp biệt kích, vừa giúp đỡ Cách mạng Lào.
- Chương III** Giữ vững an ninh biên giới, nội địa, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chiến đấu trên chiến trường Lào (1965 - 1975)
- I Xây dựng lực lượng vững mạnh, giữ vững an ninh biên giới, nội địa, tham gia chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1975)
  - II Phối hợp chiến đấu trên chiến trường Lào, tiếp tục giúp Ban xây dựng cơ sở chính trị.
  - III Thực hiện sự điều chỉnh nhiệm vụ, tập trung xây dựng phòng tuyến nhân dân vững chắc bảo vệ biên giới (1973 - 1975)
- Chương IV** Xây dựng thế trận Biên phòng bảo vệ biên giới, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch (1976 - 1985)

- I Bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh khu vực Biên phòng (1976 - 1980)
  - II Xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu và đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch (1980 - 1985)
  - III Tham gia hoạch định phân giới, cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Lào (1976 - 1982)
- Chương V Bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2000)
- I Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới trong thời kỳ chuyển sang Bộ Công an (1986 - 1995)
  - II Xây dựng thế trận biên phòng toàn dân, bảo vệ biên giới thời kỳ chuyển sang Bộ Quốc phòng (1995 - 2000)
- Kết luận Tóm tắt được quá trình hình thành và phát triển của BDBP sơn la, đồng thời cũng rút ra được những bài học quý báu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác Biên phòng trong 40 năm qua.

## **Phần thứ 2: BẢN THẢO CUỐN SỬ**

### **LỜI GIỚI THIỆU**

Tiến tới kỷ niệm 45 năm ngày thành lập lực lượng Công an nhân dân vũ trang (nay là lực lượng Bộ đội Biên phòng) và 15 năm "ngày Biên phòng" (3/3/1989 - 3/3/2004). Để ghi lại công lao to lớn của các Anh hùng, liệt sĩ, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang - Bộ đội Biên phòng Sơn La đã trực tiếp công tác, chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và góp phần xây đắp tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào, giữ vững độc lập chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Đồng thời giúp cán bộ, chiến sĩ ôn lại truyền thống vẻ vang của đơn vị từ khi thành lập đến nay. Đảng uỷ - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Sơn La xin trân trọng giới thiệu cuốn: "Lịch sử Bộ đội Biên phòng Sơn La tập I" giai đoạn 1959 - 2000.

Hơn 40 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Đảng uỷ Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tỉnh uỷ - Hội đồng Nhân dân - Uỷ ban Nhân dân tỉnh, sự giúp đỡ, thương yêu đùm bọc của đồng bào các dân tộc Sơn La. Lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đã không quản ngại hy sinh, gian khổ vượt qua khó khăn, thử thách để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Lịch sử Bộ đội Biên phòng Sơn La gắn liền với quá trình xây dựng, trưởng thành và những thay đổi của lực lượng Bộ đội Biên phòng Việt Nam. Đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với một giai đoạn lịch sử

của Đảng bộ, Nhân dân và lực lượng Vũ trang Tỉnh nhà. Quá khứ hào hùng của các thế hệ đi trước là truyền thống tốt đẹp để các thế hệ cán bộ, chiến sĩ hôm nay đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp "Công nghiệp hoá, hiện đại hoá" đất nước và xây dựng thành công CNXH.

Trong quá trình biên soạn chúng tôi đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tỉnh uỷ Sơn La, sự giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh: Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ, sở khoa học công nghệ, sở Công an, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng: Phòng khoa học công nghệ - Môi trường, phòng Hồ sơ Bảo mật Bộ Tham mưu, phòng Tuyên Huấn Cục Chính trị và các đồng chí nguyên là cán bộ, chiến sĩ Biên phòng các thời kỳ. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành bởi sự quan tâm, giúp đỡ hết sức quý báu đó.

Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng trong quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn cuốn "Lịch sử Bộ đội Biên phòng Sơn La tập I" chắc chắn còn có những hạn chế. Rất mong sự đóng góp ý kiến phê bình của các đồng chí và bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn!

**ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY  
BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG SƠN LA**

## Chương I

# BIÊN CƯƠNG SƠN LA - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

## I- SƠN LA - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI MIỀN TÂY BẮC CỦA TỔ QUỐC.

Tây Bắc thuộc miền Bắc Việt Nam là một vùng núi non hiểm trở, miền biên ải rộng lớn có vị trí vô cùng quan trọng của nước ta. Trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, Tây Bắc là "phên dậu" ngăn chặn bước tiến của bao thế lực ngoại xâm. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, Tây Bắc trở thành niềm tự hào của cả nước.

Tây Bắc có địa hình chia cắt bởi các dãy núi lớn, rừng núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn và cũng là nơi có 200km đường biên giới giáp Trung Quốc và 500km đường biên giới giáp Lào. Các tỉnh miền Tây Bắc có diện tích bằng 1/4 diện tích miền Bắc nước ta, con người miền Tây Bắc cần cù lao động và anh dũng trong chiến tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Sơn La là một trong những tỉnh miền núi cao, nằm ở trung tâm Tây Bắc, nhân dân các dân tộc Sơn La có truyền thống yêu nước và cách mạng. Từ thời phong kiến trước kia và đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhân dân các dân tộc Sơn La đã cùng cả nước đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bảo vệ độc lập dân tộc, góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phía bắc Sơn La giáp tỉnh Yên Bái - Lào Cai, phía tây giáp tỉnh Hòa Bình (Lào) và tỉnh Lai Châu, phía đông và đông nam giáp các tỉnh: Phú Thọ, Hoà Bình và Thanh Hoá. Tổng diện tích tự nhiên Sơn La là 14.055 km<sup>2</sup>, nằm ở vị trí từ 20<sup>0</sup> 29' đến 22<sup>0</sup> 02' vĩ độ Bắc và từ 103<sup>0</sup>15' đến 105<sup>0</sup> 02' độ kinh Đông.

Hiện nay Sơn La có 9 huyện và một thị xã với 201 xã, phường, thị trấn. Thị xã Sơn La có diện tích tự nhiên là 330 km<sup>2</sup> gồm 8 xã, 4 phường với số nhân khẩu là 68,6 ngàn người; huyện Sông Mã có diện tích tự nhiên 3.135,59 km<sup>2</sup>, gồm 26 xã và 1 thị trấn, dân số 114,9 ngàn người; Mai Sơn có diện tích tự nhiên 1.410,26 km<sup>2</sup>, gồm 20 xã và 1 thị trấn với dân số 114,9 ngàn người; Thuận Châu rộng 1.791,49 km<sup>2</sup>, gồm 34 xã và 1 thị trấn, dân số là 151,5 ngàn người; Quỳnh Nhai rộng 792,83 km<sup>2</sup>, bao gồm 7 xã, dân số là 32,2 ngàn người; Bắc Yên rộng 1.090,78 km<sup>2</sup>, gồm 13 xã và 1 thị trấn, dân số là 45,2 ngàn

người; Yên Châu có diện tích là 843,66 km<sup>2</sup>, gồm 14 xã và 1 thị trấn, dân số 58,4 ngàn người; Mộc Châu rộng 2.025,13 km<sup>2</sup>, bao gồm 25 xã và 2 thị trấn, dân số là 132,4 ngàn người; Phù Yên rộng 1.227,31 km<sup>2</sup>, bao gồm 25 xã và 1 thị trấn, dân số là 98,6 ngàn người, Mường La rộng 1.407,90 km<sup>2</sup>, gồm 15 xã và 1 thị trấn, dân số là 69,2 ngàn người.

Địa hình Sơn La phức tạp, núi đá xen kẽ đồi đất, tuy có đồi núi, thung lũng, lòng chảo, bồn địa và cao nguyên nhưng địa hình bị chia cắt mạnh, tạo nên sự chênh lệch về độ dốc khá lớn. Núi và cao nguyên chiếm 3/5 diện tích tự nhiên toàn tỉnh, với độ cao trung bình từ 600m đến 1000m so với mực nước biển. Đỉnh Pu Xà Phìn (Bắc Yên) cao 2.789 mét; ngược lại, vùng ven sông Đà tiếp giáp Hoà Bình chỉ có độ cao so với mực nước biển là 50 mét, với độ chênh lệch lớn về địa hình như trên tạo ra dòng chảy sông suối có độ dốc lớn, dồi dào về nguồn thuỷ năng nhưng lại gây nhiều khó khăn cho phát triển giao thông đường bộ và đường thuỷ.

Hai cao nguyên lớn là cao nguyên Nà Sản (tức cao nguyên Sơn La- cao 700 mét) và cao nguyên Mộc Châu (cao 1050 mét). Nằm xen kẽ giữa các cao nguyên là những lòng chảo, thung lũng đó là những cánh đồng lúa phì nhiêu lớn, vừa và nhỏ do phù sa các con sông, suối bồi đắp tạo thành. Cánh đồng lúa lớn nhất của Sơn La là Mường Tấc thuộc huyện Phù Yên là một trong bốn cánh đồng lớn của Tây Bắc được xếp theo thứ tự: Nhất Thanh (Điện Biên), nhì Lò (Văn Chấn), tam Than (Than Uyên), tứ Tấc (Phù Yên).

Hai con sông lớn là sông Đà và sông Mã có vai trò quan trọng trong giao thông đường thuỷ và cung cấp nguồn thuỷ năng rất lớn. Hệ thống các suối lớn, vừa và nhỏ dày đặc phân bố trên tất cả các huyện, thị xã đã cung cấp nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Tuy nhiên do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên như hướng sườn, nền địa chất, thảm phủ thực vật, lượng mưa... nên mạng lưới thuỷ văn phân phối không đều. Khí hậu Sơn La rất đa dạng, song vẫn mang tính chất chung của khí hậu chí tuyến. Nhiệt độ không khí trung bình từ 20-22<sup>0</sup>C (nhiệt độ trung bình cao nhất là 33,6<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình thấp nhất là 10<sup>0</sup>C) và có xu hướng nóng dần lên trong những năm gần đây.

Thời Hùng Vương, Sơn La thuộc bộ Tân Hưng. Thời kỳ Bắc thuộc Sơn La thuộc các châu Ki mi, trực thuộc sự cai quản của Phong Châu đô hộ phủ. Vào thời Lý (1010 đến 1225) vùng đất Sơn La thuộc châu Lâm Tây. Thời Trần (1225 - 1400) thuộc lộ Đà Giang; thời Lê thuộc 16 châu Thái; thời nhà Nguyễn gọi là vùng Thập châu thuộc trấn Hưng Hoá.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, đơn vị hành chính tỉnh Sơn La bắt đầu có sự thay đổi. Vào ngày 25-5-1886, Tổng Trú sứ Trung - Bắc ký ra Nghị định chuyển đổi châu Sơn La thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hoá thành một cấp tương đương với cấp tỉnh, nhưng đặt

dưới quyền cai trị trực tiếp của một sĩ quan người Pháp với cương vị Phó Công sứ.

Tháng 3-1888, thực dân Pháp lập Trung khu Vạn Bú - Nghĩa Lộ, đặt trụ sở tại bản Pá Giang, tổng Hiếu Trai. Ngày 10-10-1895, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ Tiểu quân khu Vạn Bú và Lai Châu thành lập tỉnh Vạn Bú, tỉnh lỵ đặt tại Vạn Bú<sup>(1)</sup>. Ngày 23-8-1904, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuyển Tỉnh lỵ Vạn Bú về Chiềng Lề (thuộc Mường La cũ) và đổi tên tỉnh Vạn Bú thành tỉnh Sơn La. Năm 1908, Pháp cho xây dựng Toà sứ, nhà Giám binh, trại lính, các công sở, nhà tù (nhà ngục) trên đồi Khau Cỏ, Tỉnh lỵ vẫn đặt tại đây cho đến ngày nay.

Tháng 8-1945, nhân dân các dân tộc Sơn La đã cùng với nhân dân cả nước đứng lên khởi nghĩa, lật đổ chính quyền phong kiến, thực dân giành chính quyền về tay nhân dân. Chính quyền cách mạng được thành lập dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân các dân tộc Sơn La đã hăng hái lao động sản xuất khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp giải phóng quê hương.

Từ năm 1955 đến năm 1975, Sơn La thực hiện hai nhiệm vụ: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa tích cực tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn. Đất nước thống nhất Sơn La cùng cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, Sơn La đã tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, tích cực khai thác tiềm năng nội lực của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội nên đã giành được thắng lợi tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; văn hoá - xã hội ngày càng có nhiều tiến bộ; cơ sở hạ tầng được xây dựng khá; chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững; hệ thống chính trị được tăng cường và củng cố. Vì vậy đời sống của nhân dân cả về vật chất lẫn tinh thần được cải thiện một bước đáng kể. Trong thời kỳ mới, nhân dân các dân tộc Sơn La sát cánh cùng với lực lượng vũ trang Sơn La, trong đó có lực lượng Bộ đội Biên phòng tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, cần cù, dũng cảm, vượt khó đi lên trên con đường công nghiệp hoá- hiện đại hoá, xây dựng tỉnh Sơn La ngày càng giàu mạnh, văn minh, bảo vệ vững chắc miền biên cương của Tổ quốc.

Sơn La là nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em, cùng chung sống từ lâu đời. Trước năm 1945 dân số Sơn La chỉ có khoảng 10.000 người, đến 1-4-1999 Sơn La có 881.397 người và năm 2000 dân số Sơn La là 905.600 người.

---

<sup>1</sup> Nay thuộc bản Pá Giang, xã Ít Ong, huyện Mường La

Dân tộc Thái đông nhất có 482.114 người, chiếm 54,7%; dân tộc Kinh có 164.817 người, chiếm 18,7 %; dân tộc H'Mông có khoảng 114.000 chiếm 12,98%; dân tộc Mường có 71.906 người, chiếm 8,15%; dân tộc Dao có 24.217 người chiếm 2,7 %; dân tộc Xinh Mun có 12.230 người, chiếm 1,5 %; dân tộc Khơ Mú có 14.102 người chiếm 1,6 %; dân tộc La Ha có 1.762 người chiếm 0,2 %; dân tộc Kháng có 1.586 người, chiếm 0,18 %; các dân tộc khác có 524 người, chiếm 0,06%, chủ yếu là cán bộ mới từ nơi khác đến công tác và định cư tại Sơn La.

Trước đây các dân tộc chủ yếu sống dựa vào tự nhiên, nền kinh tế tự cung tự cấp. Phụ nữ các dân tộc có nghề dệt thổ cẩm, chăn, gối, đệm, túi, khăn... khá nổi tiếng. Đàn ông thường gánh vác những công việc nặng hơn như: cày bừa, chặt gỗ dựng nhà, làm mương phai, săn bắn thú rừng hoặc chài lưới để kiếm sống. Ngày nay, với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhân dân các dân tộc Sơn La đã tiếp thu kiến thức sản xuất theo kỹ thuật canh tác mới, đem lại năng suất cao. Đời sống nhân dân được cải thiện và dần dần nâng lên khá giả.

Đặc điểm chung của các dân tộc Sơn La là có truyền thống yêu nước, đoàn kết, cần cù lao động, trung thực và mến khách. Văn hoá các dân tộc rất phong phú về các thể loại: thơ ca, dân ca, truyện cổ tích, hát đối, hát thơ... và có nhiều điệu múa nổi tiếng với các nhạc cụ như: trống, chiêng, công, khèn, sáo... họ coi sinh hoạt văn hoá là món ăn tinh thần không thể thiếu được. Các dân tộc đều có lễ hội truyền thống như tục cầu mưa, ăn cơm mới, ăn tết, đặt tên con trẻ...

Về ngôn ngữ và chữ viết, các dân tộc đều có tiếng nói riêng của mình. Dân tộc Thái có chữ viết riêng từ lâu đời, nên họ ghi lại được nhiều tác phẩm văn xuôi, thơ ca... và để lại kho tàng văn học dân gian khá phong phú.

Tín ngưỡng các dân tộc chủ yếu là đa thần giáo và ảnh hưởng của tư duy nông nghiệp nên ngoài thờ cúng tổ tiên họ còn thờ các thần sông, suối, cây đa, nương rẫy, ruộng vườn, rừng của bản...

Quan hệ gia đình, dòng họ, bản mường vừa là lễ giáo, luật lệ vừa là văn hoá ứng xử được các dân tộc rất chú trọng. Mỗi quan hệ gia đình thuận hoà, kính trọng người trên, yêu quý trẻ thơ và tôn trọng luật lệ bản mường.

Sự giao thoa văn hoá giữa các tộc người cùng chung sống trên địa bàn đã tạo nên một nền văn hoá phong phú, đa dạng mang đậm nét các dân tộc Tây Bắc. Ngày nay, dưới đường lối văn hoá của Đảng, nhân dân các dân tộc Sơn La đang ra sức khôi phục và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống và tiếp thu có chọn lọc nền văn hoá mới, nhằm xây dựng một nền văn hoá tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## II- TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TỈNH SƠN LA.



Vào thế kỷ thứ XIII, nhân dân Tây Bắc<sup>(2)</sup> đã góp công sức của mình để tham gia đánh giặc Nguyên- H'Mông xâm lược. Cuốn "Đại Việt sử ký toàn thư" của Ngô sĩ Liên ghi lại "Quán Nguyên về đến trại quy hoá" trại chủ là Hà Bổng chiêu tập dân Man tập kích, giặc lại thua to..."

Đầu thế kỷ XV, tại Mộc Châu dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh Sa Khả Sâm, nghĩa quân Mộc Châu đã gia nhập nghĩa quân Lê Lợi, Nguyễn Trãi góp phần đánh đuổi quân Minh, đem lại độc lập cho dân tộc.

Thế kỷ XVIII Nhân dân các dân tộc Tây Bắc tham gia nghĩa quân Hoàng Công Chất đánh tan giặc Phẻ, Pọng hung ác từ Bắc Lào tràn sang cướp phá. Thế kỷ XIX thủ lĩnh châu Mường là Bạc Cầm Ten đã lãnh đạo nhân dân đánh tan quân Xiêm ở Biên giới Việt-Lào.

Khi cả nước bước vào giai đoạn đấu chống Pháp, dưới sự lãnh đạo của các Thủ lĩnh, nhân dân các dân tộc Sơn La lại đứng lên đánh giặc Cờ Vàng<sup>(3)</sup> và sau 7 năm chiến đấu gian khổ đã đánh đuổi được giặc Cờ Vàng ra khỏi bờ cõi.

Khi quân Pháp nổ súng vào cảng Đà Nẵng xâm lược nước ta, bằng vũ trang, giặc đi đến đâu nhân dân đứng dậy đấu tranh đến đó. Các dân tộc Sơn La lúc ấy thuộc vùng Thập Châu đã đứng về phía kháng chiến cùng nhân dân tỉnh Hưng Hoá kháng chiến đánh giặc. Dưới sự lãnh đạo của Tuần phủ Hưng Hoá Nguyễn Quang Bích kết hợp với quân của Lưu Vĩnh Phúc, nghĩa quân Thập Châu chia thành 4 đội kéo về xuôi cùng với nghĩa quân ở đồng bằng đánh giặc tại Hà Nội. Sau hơn một tháng bao vây, nghĩa quân đã lập công lớn ở trận Cầu giấy, giặc thua to, tên Phơ-Răng-xi Gac-ni-ê, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp bị đền tội ngày 21-12-1873. Lần thứ 2, kéo về bao vây thành Hà Nội, nghĩa quân Thập Châu lại lập công lớn, tên chỉ huy Pháp ở Bắc kỳ là Hăng-ri Ri-vi-e cùng 550 lính đã thiệt mạng tại trận Cầu Giấy ngày 19-5-1883.

Hưởng ứng hịch Cần Vương (giai đoạn 1885-1896), nhân dân vùng Thập Châu lại tiếp tục tham gia phong trào chống Pháp do Nguyễn Quang Bích lãnh đạo. Nghĩa quân Thập Châu bao gồm các dân tộc Thái, Dao, H'Mông... đã tích cực tham gia quân khởi nghĩa và hết sức ủng hộ nghĩa quân.

Tháng 1-1888, khi quân Pháp xâm chiếm Sơn La, nghĩa quân Mường La đã dựa vào pháo đài Dưa Cá<sup>(4)</sup> đánh lại chúng rất dũng cảm. "Quám tô mường" (Kể chuyện bản mường) của Mường La có ghi: "Quán giặc chết như ngã rạ trên cánh đồng Na Xam Kha<sup>(5)</sup>". Tại Mộc Châu, thủ lĩnh Sa Văn Nội đã tổ chức huấn luyện binh sĩ ở Phiêng Luông, vận động nhân dân nổi dậy chống Pháp, nhưng sau đó Sa Văn Nội bị giặc Pháp bắt và bị chúng thủ tiêu. Cũng trong thời

<sup>1</sup> Tây Bắc thời đó nằm trong lộ Đà Giang và lộ quy Hoá

<sup>3</sup> bộ phận thoái hoá của phong trào nông dân Trung Quốc

<sup>4</sup> Nay là bản Cá, xã Chiềng An

<sup>5</sup> Nay thuộc Chiềng An, Thị xã Sơn La

gian đó tại bản Nà Bai, xã Quang Minh - Mộc Châu có Thủ lĩnh Hà Văn Páng cũng tập hợp nghĩa quân tại thung lũng Ta Hay để đánh giặc, làm cho quân Pháp tổn thất về lực lượng và phải tốn rất nhiều công sức để đối phó.

Đầu năm 1889, ở Bản Thái - Phù Yên có phong trào "Quan Sinh" được đông đảo nhân dân địa phương hưởng ứng, trong đó có cả nam và nữ dân tộc Dao tham gia đánh giặc. Nhưng ngày 18-3-1889, tại trận Cẩm Khê (Phú Thọ) - thủ lĩnh là Thôn Sâu bị giặc bắt, phong trào bị dập tắt.

Sau khi chiếm được Sơn La, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên bộ máy Chính quyền phong kiến địa phương, duy trì các hình thức bóc lột phong kiến, chúng ra sức củng cố bộ máy thống trị và biến các thủ lĩnh Châu, Mường thành các quan chức ăn lương, buộc họ phải quy phục và làm tay sai cho chúng.

Trong suốt những năm thống trị ở Sơn La, thực dân Pháp không có chủ trương gì đáng kể để mở mang kinh tế. Người nông dân Sơn La vẫn giữ nguyên cách làm ăn theo phương thức canh tác cũ kỹ, mang nặng tính chất tự nhiên, hái lượm, săn bắt, chọc lỗ bở hạt... Sản xuất khép kín mang tính tự túc, tự cấp, mọi thứ gieo trồng chỉ để phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Cho nên đời sống du canh du cư vẫn ngày càng phát triển nhất là các nhóm dân tộc sống ở rẻo giữa và vùng cao. Nạn đói triển miến xảy ra làm cho đời sống đồng bào đã đói nghèo lại càng cơ cực hơn.

Hình thức bóc lột đối với nhân dân chủ yếu bằng phu và thuế. Chỉ những người đi phu và đóng thuế mới được chia ruộng công. Đi phu chủ yếu là phu đường và tải đồ, còn lao dịch là phải đi làm không công cho các chức dịch người địa phương. Với thực trạng kinh tế lạc hậu, trì trệ đó, Chính quyền thực dân - phong kiến lại đặt ra nhiều hình thức thuế rất nặng nề và vô lý như thuế thân, thuế vợ chồng hay còn gọi là thuế nóc nhà, khi mỗi cặp vợ chồng ra ở riêng phải nộp 3,5 lạng thuốc phiện và ở rể phải nộp 2,5 lạng. Ngoài ra còn phải nộp các sản vật khác tùy thuộc vào các địa phương. Vì vậy cuộc sống nhân dân rất cực khổ, nhiều nhà phải bán trâu, bán con mới đủ nộp thuế trong năm. Các hàng tiểu thủ công như gốm, dệt thổ cẩm, rèn... vẫn được duy trì nhưng kém phát triển. Thương nghiệp chưa có, mới chỉ có một số người Kinh và người Hoa lên buôn bán nhỏ ở Tỉnh lỵ và một số trung tâm Mường lớn.

Năm 1917, thực dân Pháp mở trường dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp ở tỉnh lỵ Sơn La, còn các huyện lỵ chỉ có trường tiểu học bán cấp. Các trường đó phần lớn giành cho con em các chức dịch và các gia đình khá giả theo học, con em nông dân lao động, nhất là người nghèo thường không có đủ điều kiện theo học. Do vậy, 99% dân số mù chữ.

Tình hình Y tế và chăm sóc sức khỏe không được quan tâm, các loại bệnh nguy hiểm như sốt rét, đậu mùa, phong, lao... ngày càng